

Số: 32/2022/QĐST-HNGĐ

Mai Sơn, ngày 15 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 50/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 về xin ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh La Văn T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Bản P, C, xã N, B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Chị Lèo Thị X, sinh năm 1990. Địa chỉ: Bản P, C, xã N, B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83, 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh La Văn T và chị Lèo Thị X.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về tình cảm:

Anh La Văn T và chị Lèo Thị X thống nhất thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Anh T và chị X có 02 con chung. Anh chị thỏa thuận: Chị Lèo Thị X là người trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu La Minh D, sinh ngày 04/08/2009 và cháu La Phương N, sinh ngày 06/11/2017 cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Anh La Văn T nhận cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị X mỗi tháng là 2.500.000VNĐ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Cho cả hai cháu thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2023 cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản anh T thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

c. Về tài sản chung vợ chồng: Anh T và chị X thống nhất xác nhận đã tự thỏa thuận xong và không đề nghị Tòa án giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì được khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

d. Về nợ chung vợ chồng: Không có.

đ. Về án phí: Anh La Văn T nhận chịu án phí xin ly hôn là 150.000 VNĐ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ là 150.000VNĐ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: **AA/2021/0002309** ngày 17 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã N, B, huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Tráng A Tánh**

